

Bản án số: 1248/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 17/8/2022.

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Phan Thị Xuân Hương.

2/ Ông Lê Văn Rồi.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 797/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 336/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 350/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01/8/2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn T H, sinh năm 1999. (có đơn xin vắng mặt)

Thường trú: Đội 2, TP, VP, VN, tỉnh KH.

Địa chỉ: 77/17 đường SL, tổ 4, ấp 1, xã PVA, huyện Cử Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

* Bị đơn: Ông Huỳnh T M, sinh năm 1992; (vắng mặt)

Thường trú: số 148/12/5/3 TĐ, phường 8, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 33/1/4 đường 67, ấp G, xã TPT, huyện Cử Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn nội dung xin ly hôn ngày 27/4/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn T H trình bày:

Bà và ông Huỳnh T M tìm hiểu nhau thời gian khoảng 01 năm thì tự nguyện chung sống với nhau năm 2006, không có tổ chức cưới, đăng ký kết hôn vào ngày 03/02/2020 tại UBND phường 8, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống tại nhà cha mẹ chồng ở số 33/1/4 đường 67, ấp G, xã TPT, huyện Cử Chi, thành phố Hồ Chí Minh, chung sống hạnh phúc khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do mâu thuẫn về tài chính và ông M đánh tôi hai lần, 01 lần khi bà bế con về nhà mẹ bà, ông M không cho; 01 lần do ghen tuông vô cớ. Hai vợ chồng đã không sống chung đến nay gần hai tháng, bà về thăm con bà thì ông M không cho và hăm dọa đánh bà. Bà nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn nên nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Huỳnh T M.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Trúc, sinh ngày 25/10/2016 và Huỳnh Thành Phúc, sinh ngày 10/6/2020. Bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, bà yêu cầu ông Minh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/01 trẻ, bắt đầu thi hành ngay sau khi bản án, quyết định phát sinh hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung: không có.

Nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Ngày 19/7/2022, Bà H có bản tự khai thể hiện không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con, ông M muốn cho con bao nhiêu thì cho.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản chính); Chứng minh nhân dân + Sổ hộ khẩu (sao y) + Sổ tạm trú (Sao y).

Trong quá trình giải quyết vụ kiện ông M trình bày:

Quá trình kết hôn và chung sống đúng như những gì bà H vừa trình bày. Nay bà H yêu cầu ly hôn với ông, ông đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Trúc, sinh ngày 25/10/2016 và Huỳnh Thành Phúc, sinh ngày 10/6/2020. Ông yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Trúc, giao trẻ Phúc cho bà Hiền nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung: không có.

Nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Chứng minh nhân dân + Sổ hộ khẩu + Sổ tạm trú (Sao y).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã TPT, huyện Củ Chi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

Ông M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa; Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông M, bà H và căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ mà phía nguyên đơn, bị đơn cung cấp; chứng cứ mà Tòa thu thập được để giải quyết vụ kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 91; các điều 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn T H và ông Huỳnh T M tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân Phường 8, quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 03, ngày 03/02/2020 nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà H yêu cầu xin ly hôn với ông M nguyên nhân do mâu thuẫn về tài chính, ông M thường ghen tuông vô cớ và đánh bà; Ông M đồng ý ly hôn với bà H. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng bà H và ông M đều muốn ly hôn để trả tự do cho nhau theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Trúc, sinh ngày 25/10/2016 và Huỳnh Thành Phúc, sinh ngày 10/6/2020; Bà H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung; Ông M yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Trúc, giao con chung tên Nguyễn Thành Phúc cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi xem xét tất cả các chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: Hai con chung hiện đều do bà H đang trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục (trẻ Phúc thì chưa đủ 36 tháng tuổi); Ông M hay nhậu nhẹt và đi làm xa. Xét về điều kiện thì bà H có đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung hơn ông M. Vì lợi ích của con chung và để đảm bảo cho sự phát triển bình thường của trẻ Trúc, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao hai con chung là trẻ Nguyễn Thị Trúc, sinh ngày 25/10/2016 và Huỳnh Thành Phúc, sinh ngày 10/6/2020 cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H là không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H và ông M cùng xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Bà H và ông M cùng xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Cần buộc bà H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; các điều 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn T H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn T H được ly hôn với ông Huỳnh T M.

Giấy chứng nhận kết hôn số 03, ngày 03/02/2020 của Ủy ban nhân dân Phường 8, quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà H và ông M không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Trúc, sinh ngày 25/10/2016 và Huỳnh Thành Phúc, sinh ngày 10/6/2020; Bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H là không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu ông M lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông M.

3. Về tài sản chung: không có.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) buộc bà Nguyễn T H phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2021/0044635 ngày 19/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; bà H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (12b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hùng Vương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA